

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 405/2025/DS-ST

Ngày: 26 - 5 - 2025.

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Thanh Dung
- Ông Đỗ Xuân Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2025/TLST-DS ngày 17/01/2025 về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Phong Đăng K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 1 N, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phụng H, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: 63A Đ (lầu C), Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền lập ngày 15/01/2025)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Văn H1 - Công ty TNHH H2, Đoàn Luật sư T. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Trúc L, sinh năm 1998. (vắng mặt)

Địa chỉ: 6 T, Phường G, quận P, Tp ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Phong Đăng K (người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Phụng H) trình bày:

Ông Lê Phong Đăng K và bà Nguyễn Trúc L là chỗ bạn bè, có quen biết nhau. Vào ngày 08/01/2025, bà L có vay của ông K số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm triệu đồng), việc cho vay có lập thành văn bản và bà L đã ký giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm triệu đồng) cho ông K vào ngày 13/01/2025.

Tuy nhiên, quá ngày 13/01/2025, bà L không trả lại cho ông K số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm triệu đồng). Mặc dù ông K đã liên hệ với bà L để yêu cầu trả tiền, nhưng bà L không hợp tác, không trả tiền cho ông K.

Ngoài ra, theo Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 08/01/2025, bà L còn vay của ông K số tiền 2.516.635.212 đồng, nhưng ông K không yêu cầu bà L trả số tiền 2.516.635.212 đồng trong vụ án này, sẽ khởi kiện một vụ án khác nếu có yêu cầu.

Do đó, ông K khởi kiện yêu cầu bà L trả lại số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm triệu đồng) và ông K không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với số tiền nợ 1.500.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm triệu đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Trúc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để cung cấp ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bà L vắng mặt không lý do.

* Tại phiên tòa hôm nay:

1. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông K là ông H xác định ông K vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông K là Luật sư Trần Văn H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bị đơn bà L vắng mặt không lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ông K, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Lê Phong Đăng K khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Trúc L thanh toán tiền nợ theo Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 08/01/2025. Xét đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Theo nội dung Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 08/01/2025, bà L cung cấp địa chỉ thường trú tại 6 T, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh của Công an P, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Trúc L, sinh ngày 22/9/1998 hiện có đăng ký thường trú tại 6 T, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú và hiện tại đi đâu không rõ.

Theo quy định của khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”*.

Do đó, xác định nơi cư trú của bà Nguyễn Trúc L là 6 T, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa ông K và bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Ngày 21/01/2025, ông K có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất cảnh đối với bà L.

Theo Công văn số 791/QLXNC-Đ1 ngày 21/01/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an Thành phố H: Bà Nguyễn Trúc L, sinh ngày 22/09/1998, CMND số 285644042, có hộ chiếu số C2338252 được cấp ngày 30/09/2016 bởi Cục Q - Bộ C. Hộ chiếu trên được sử dụng xuất nhập cảnh qua cửa khẩu quốc tế T1. Cụ thể, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 20/03/2024 và nhập cảnh gần nhất là ngày 22/03/2024 qua cửa khẩu quốc tế T1.

Ngày 22/01/2025, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 22/01/2025 cấm xuất cảnh đối với bà L.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất ngày 06/5/2025; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần hai ngày 2/5/2025 nhưng bà L không cung cấp tài liệu chứng cứ và vắng mặt không có lý do.

Ngày 23/5/2025, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông K là Luật sư Trần Văn H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 4 Điều 91, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà L và Luật sư H1; đồng thời giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về các yêu cầu khởi kiện của ông K, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Căn cứ Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 08/01/2025, ông K và bà L cùng ký xác nhận với nội dung: *“Hôm nay, bà Nguyễn Trúc L vay thêm ông Lê Phong Đăng K số tiền là 1,5 tỷ đồng. Bà Nguyễn Trúc L đã nhận đủ tiền và ký giấy nhận nợ này. Bà Nguyễn Trúc L cam kết sẽ trả lại đủ số tiền vay này cho ông Lê Phong Đăng K vào ngày 13/01/2025”*.

Căn cứ quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*. Do đó, Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 08/01/2025 giữa ông K và bà L là hợp đồng vay tài sản.

Căn cứ quy định khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Như vậy, bà L phải trả cho ông K số tiền nợ 1.500.000.000 đồng khi đến hạn ngày 13/01/2025. Tuy nhiên, cho đến nay bà L vẫn chưa trả số tiền trên cho ông K là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông K.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông K buộc bà L trả số tiền nợ 1.500.000.000 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của ông K là ông H xác nhận ông K không yêu cầu bà L trả lãi chậm thanh toán của số tiền nợ 1.500.000.000 đồng. Xét, đây là ý chí tự nguyện của ông K và có lợi cho bị đơn bà L nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của ông K là ông H trình bày: Theo Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 08/01/2025, bà L còn vay của ông K số tiền 2.516.635.212 đồng, nhưng ông K không yêu cầu bà L trả số tiền 2.516.635.212 đồng trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Ngoài ra, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; thì kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của ông K (đối với các khoản tiền phải trả cho ông K) cho đến khi thi hành án xong, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K; đồng thời phù hợp với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 57.000.000 đồng.

Ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.500.000 đồng theo biên lai thu số 0055248 ngày 16/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018, 2020 và 2022).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phong Đăng K.

Bà Nguyễn Trúc L có trách nhiệm trả cho ông Lê Phong Đăng K số tiền nợ là 1.500.000.000 (một tỷ, năm trăm triệu) đồng, phát sinh từ Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 08/01/2025 giữa ông Lê Phong Đăng K và bà Nguyễn Trúc L.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Phong Đăng K không yêu cầu bà Nguyễn Trúc L trả lãi chậm thanh toán đối với số tiền nợ 1.500.000.000 (một tỷ, năm trăm triệu) đồng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Phong Đăng K (đối với các khoản tiền phải trả cho ông Lê Phong Đăng K) cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Trúc L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018, 2020 và 2022) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018, 2020 và 2022), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018, 2020 và 2022).

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 22/01/2025 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Bà Nguyễn Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 57.000.000 (năm mươi bảy triệu) đồng.

4.2 Trả lại cho ông Lê Phong Đăng K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.500.000 (hai mươi tám triệu, năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0055248 ngày 16/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Ngọc Mỹ